Câu 1. Ở kì trung gian của nguyên phân, xảy ra hiện tượng nào sau đây của nhiễm sắc thể?
A. Bắt đầu co xoắn lại B. Co xoắn tối đa C. Tự nhân đôi D. Tháo xoắn tối đa

Câu 2. Đặc điểm quan trọng nhất của quá trình nguyên phân là sự
A. sao chép bộ NST của tế bào mẹ sang 2 tế bào con.
B. phân chia đều chất tế bào cho 2 tế bào con.
C. phân chia đều chất nhân cho 2 tế bào con.
D. phân chia đồng đều của cặp NST về 2 tế bào con.

Câu 3. Ở một tế bào của một loài đang nguyên phân, các NST đang xếp thành 1 hàng ngang trên mặt phẳng xích đạo của thoi vô sắc, tổng số NST trong tế bào là 6 NST. Tế bào đang ở kì nào ?
A. Kì trước. B. Kì sau. C. Kì giữa. D. Kì cuối.

Câu 4. Ở quá trình nguyên phân, nhiễm sắc thể không xuất hiện trạng thái kép ở các kì
A. Kì đầu và kì sau B. Kì sau và kì cuối C. Kì cuối và kì giữa D. Kì giữa và kì đầu

Câu 5. Kết quả của quá trình nguyên phân là. Từ 1 tế bào mẹ có bộ NST 2n sẽ tạo ra
A. 4 tế bào con, có bộ NST đơn bội (n) B. 2 tế bào con, có bộ NST đơn bội (n).
C. 4 tế bào con, có bộ NST lưỡng bội (2n) D. 2 tế bào con, có bộ NST lưỡng bội (2n).

Câu 6. Sự sinh trưởng ở các mô, cơ quan và tế bào là nhờ quá trình nào?
A. Giảm phân. B. Thụ tinh. C. Nguyên phân. D. Phát sinh giao tử.

Câu 7. Cơ chế nào sau đây giúp bộ nhiễm sắc thể trong tế bào con tạo ra từ nguyên phân giống với bộ nhiễm sắc thể ở tế bào mẹ?
A. Nhân đôi và tái tổ hợp nhiễm sắc thể B. Phân li và tái tổ hợp nhiễm sắc thể
C. Nhân đôi và phân li nhiễm sắc thể D. Tái tổ hợp nhiễm sắc thể

Câu 8. Sắp xếp các hình sau theo trình tự của quá trình nguyên phân ở tế bào
A. E→D→B→F→C→A.
B. A →B →C →D→E→F.
C. E→D→A→F→C→B.
D. D→E→F→B→C→A.

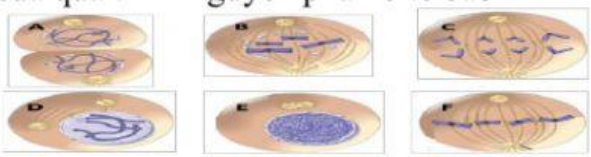

Câu 9. Quá trình nguyên phân xảy ra ở tế bào nào của cơ thể
A. tế bào sinh dưỡng B. tế bào sinh sản C. tế bào trứng D. tế bào tinh trùng

Câu 10. Cơ chế nào sau đây giúp bộ nhiễm sắc thể trong tế bào con tạo ra từ nguyên phân giống với bộ nhiễm sắc thể ở tế bào mẹ?
A. Nhân đôi và tái tổ hợp nhiễm sắc thể B. Phân li và tái tổ hợp nhiễm sắc thể
C. Nhân đôi và phân li nhiễm sắc thể D. Tái tổ hợp nhiễm sắc thể

Câu 11. Trạng thái sợi nhiễm sắc có thể xuất hiện ở kì nào sau đây trong quá trình phân bào?
A. Kì đầu của nguyên phân B. Đầu kì trung gian của nguyên phân
C. Kì sau của giảm phân I D. Kì giữa của giảm phân II

Câu 12. Trong quá trình nguyên phân, có thể quan sát rõ nhất hình thái NST ở vào kì
A. Kì giữa. B. Vào kì trung gian. C. Kì đầu. D. Kì sau.

Câu 13. Ở loài sinh sản vô tính, bộ nhiễm sắc thể được ổn định qua các thế hệ nhờ quá trình nào sau đây?
A. Nguyên phân B. Giảm phân và thụ tinh
C. Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh D. Thụ tinh và nguyên phân

Câu 14. Trong nguyên phân, nhiễm sắc thể nhân đôi ở kì nào sau đây?
A. Kì trung gian B. Kì cuối C. Kì sau D. Kì giữa

Câu 15. Hình vẽ dưới đây mô tả diễn biến của NST ở kì nào của quá trình nguyên phân?
A. Kì đầu
B. Kì cuối
C. Kì giữa
D. Kì sau

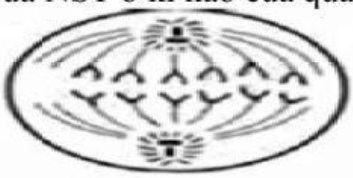

LIVEWORKSHEETS

Câu 16. Hiện tượng xảy ra đối với các nhiễm sắc thể trong kì đầu của nguyên phân là

A. Sắp xếp trên mặt phẳng xích đạo của thoi vô sắc B. Bắt đầu tháo xoắn

C. Bắt đầu co xoắn D. Tiếp hợp

Câu 17. Ở ruồi giấm, 2n = 8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân có số lượng nhiễm sắc thể là

A. 32. B. 16. C. 4. D. 8.

Câu 18. Ý nghĩa của nguyên phân là gì?

A. Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể.

B. Nguyên phân duy trì sự ổn định bộ nhiễm sắc thể đặc trưng qua các thế hệ tế bào.

C. Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào.

D. Nguyên phân là phương thức sinh sản của tế bào và sự lớn lên của cơ thể, đồng thời duy trì ổn định bộ nhiễm sắc thể đặc trưng qua các thế hệ tế bào.

Câu 19. Quá trình nguyên phân gồm 4 kì liên tiếp là

A. Kì đầu, kì trung gian, kì giữa, kì cuối. B. Kì đầu, kì giữa, kì trung gian, kì cuối.

C. Kì trung gian, kì đầu, kì sau, kì cuối. D. Kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối.

Câu 20. Ở đậu Hà Lan có bộ NST 2n= 14. Quan sát một tế bào của loài này đang bước vào kì đầu của quá trình nguyên phân. Số NST trong tế bào đó là

A. 14 NST đơn B. 14 NST kép C. 28 NST kép D. 28 NST đơn

******Nghị lực và bền bỉ có thể chinh phục mọi thứ******

LIVEWORKSHEETS